TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2019/HS-ST
Ngày 27 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Viết Vĩnh

Bà Dương Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Man Anh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 111/2019/TLST-HS, ngày 09 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2019; theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Nguyễn Bá T**, sinh năm: 1995.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 và bà: Cao Thị V, sinh năm 1974; Vợ: chưa có; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/6/2019, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Bắc Giang khởi tố vụ án; ngày 18/7/2019 bị khởi tố bị can về tội: "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2019 đến ngày 05/7/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

2. Họ và tên **Nguyễn Đức V**, sinh năm: 1984.

Nơi ĐKHKTT: Phố T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1959 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; Vợ: Trần Thu Q, sinh năm 1984 và có 03 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009); Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ 02; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/6/2019, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Bắc Giang khởi tố vụ án; ngày 18/7/2019 bị khởi tố bị can về tội: "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2019 đến ngày 05/7/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

- *Bị hại:* Công ty TNHH Khánh T - Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc K, chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Anh Dương Văn D, sinh năm 1986, chức vụ: Cán bộ của công ty (Theo văn bản ủy quyền số 02 GUQ-CT, ngày 17 tháng 5 năm 2019).

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

(Anh D trú tại: xóm T, xã Ú, huyện P, tỉnh Thái Nguyên)

(Vắng mặt có lý do)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Đặng Thị H, sinh năm 1981

Trú tại: Thôn Q, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

(Vắng mặt có lý do)

2. Anh Phạm Hùng K, sinh năm 1968

Trú tại: Xóm T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt)

3. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1965

Trú tại: Tổ dân phố N, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt có lý do)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1986.

Trú tại: Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

(Vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1983.

Trú tại: Thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt)

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1984.

Trú tại: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

4. Anh Đỗ Quang D, sinh năm: 1960.

Trú tại: Tổ dân phố X, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1976.

Trú tại: Tổ Y, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 12/05/2019, Nguyễn Bá T, sinh năm 1995, trú tại: xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đang ngồi uống bia nói chuyện cùng Nguyễn Đức V, sinh năm 1984, trú trại: xóm P, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang thì T nảy sinh ý định trộm cắp 02 cuộn dây cáp điện mà ngày hôm trước (11/5/2019) T nhìn thấy lúc trên đường đi làm về tại khu vực cây xăng dầu số 52, thuộc xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (sau xác định là tài sản của Công ty TNHH Khánh T có địa chỉ tại thôn Văn T, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh). T rủ V cùng thực hiện hành vi trộm cắp 02 cuộn dây cáp điện để bán lấy tiền tiêu xài thì được V đồng ý, sau đó cả hai thống nhất với nhau nếu lấy được hai cuộn dây cáp điện thì sẽ mang xuống bán cho Đặng Thị H (sinh năm 1981, trú tại thôn Q, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh) là người làm nghề thu mua phế liệu ở khu vực tỉnh Bắc Ninh.

T nói với V sẽ đi tìm thuê xe cẩu tự hành, còn V thuê xe thùng để vận chuyển 02 cuộn dây cáp điện đem bán. Để thực hiện ý định này, T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1965, trú tại số nhà 766 tổ dân phố N, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên) là người có xe cẩu tự hành nói có hai cuộn dây cáp điện đang để tại khu vực cây xăng dầu số 52, thuộc xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cần thuê anh H cẩu vận chuyển xuống Bắc Ninh, anh H

đồng ý rồi hai bên thống nhất thỏa thuận giá tiền là 800.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, theo sự chỉ dẫn của T, anh H đến cẩu hai cuộn dây cáp điện trên rồi đem sang khu vực thị xã P, tỉnh Thái Nguyên để gặp V.

Sau khi bàn bạc với T, V chủ động gọi cho anh Phạm Hùng K (sinh năm 1968, trú tại xóm T, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang) để thuê xe vận chuyển và hẹn anh K đến đón ở gần khu vực cổng bệnh viện đa khoa huyện P. Khi anh K đến, V bảo di chuyển đến chỗ điểm hẹn trước đó với T để nhận 02 cuộn dây cáp điện do T thông báo đã lấy được. Khi V và anh K đến cổng bệnh viện đa khoa P đợi khoảng 15 - 20 phút thì thấy chiếc xe cẩu tự hành do H điều khiển đi đến. Tại đây, anh H đã chuyển 02 cuộn dây cáp điện sang xe của anh K. Khi giao dịch thuê xe, V và T không nói gì về nguồn gốc tài sản nên anh H và anh K không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có. Chuyển xong, V và anh K điều khiển xe ô tô đi đến thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. V gọi điện cho chị H ra đón V và anh K đi vào nhà kho chứa phế liệu. Tại đây, chị H đã thuê anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986, trú tại: thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh dùng xe nâng vận chuyển hai cuộn dây cáp điện trên vào trong nhà kho của anh L. Khi vận chuyển, anh L không biết đây là tài sản do V và T trộm cắp mà có.

Vì trước đó T đã gọi điện cho chị H nói có dây cáp điện muốn bán nên chị H đồng ý mua và thỏa thuận với giá 37000 đồng/01 mét. Sau khi tính toán, chị H mua 02 cuộn dây cáp điện trên với giá 73.000.000 đồng. T bảo H đưa trực tiếp cho V 30.000.000 đồng, số tiền còn lại 43.000.000 đồng thì chị H sẽ chuyển khoản cho T. Sau đó, T cho chị H số tài khoản 0511020730018 của ngân hàng A, chi nhánh tại Thái Nguyên để giao dịch. V sau khi nhận số tiền 30.000.000 đồng từ chị H đã thanh toán cho anh K số tiền 3.000.000 đồng phí vận chuyển và 800.000 đồng trước đó anh K đã trả cho anh H tiền thuê xe cẩu tự hành. Số tiền còn lại V cất trong người. Đến khoảng 17 cùng ngày, sau khi chị H chuyển số tiền 43.000.000 qua số tài khoản trên cho T thì T mượn thẻ ngân hàng quân đội MB qua số tài khoản 8240100119005 của Nguyễn Văn T (sinh năm 1984, trú tại xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) là bạn của T để giao dịch rút toàn bộ số tiền trên. Đến ngày 13/5/2019, T đã đưa cho V thêm số tiền 4.000.000 đồng. Tổng cộng V được nhận số tiền 30.200.000 đồng, T được nhận số tiền 39.000.000 đồng.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản ngày 13/5/2019, anh Dương Văn D, sinh năm 1986, trú tại xóm T, xã Ú, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đại diện theo pháp luật cho Công ty TNHH Khánh T có địa chỉ tại thôn Văn T, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã có đơn trình báo Công an xã Đ, huyện P đề nghị giải quyết vụ việc trên theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Công ty TNHH Khánh T có giấy ủy quyền cho anh D thay mặt Công ty giải quyết các công việc có liên quan.

Quá trình điều tra ngày 15/5/2019, chị Đặng Thị H đã tự giác giao nộp 02 cuộn dây cáp điện đã mua của T và V, anh Phạm Hùng K tự nguyện giao nộp số

tiền 3.000.000 đồng cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 16/5/2019, Nguyễn Đức V đã đến Công an huyện P xin đầu thú và giao nộp lại số tiền 31.000.000 đồng. Ngày 17/5/2019, Nguyễn Bá T đến Công an huyện P xin đầu thú và tự giác giao nộp lại số tiền 39.000.000 đồng cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 17/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra bản yêu cầu định giá tài sản số 53, trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện P định giá 02 cuộn dây cáp điện do T và V trộm cắp vào ngày 12/5/2019. Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-ĐG ngày 21/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 02 cuộn dây cáp điện do T và V trộm cắp ngày 12/5/2019 có tổng giá trị là 147.672.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Bá T và Nguyễn Đức V đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã khai nêu trên.

Ngoài vụ trộm cắp tài sản nêu trên thì Nguyễn Bá T và Nguyễn Đức V còn thực hiện một vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hiện vụ án này cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã khởi tố vụ án vào ngày 13/6/2019 và khởi tố các bị can vào ngày 18/7/2019.

Tại bản cáo trạng số 124/CT-VKS-PB ngày 09/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố Nguyễn Bá T và Nguyễn Đức V về tội "Trộm cắp tài sản", theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo T và V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, kết luận giữ quan điểm truy tố và đề nghị với Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bá T và Nguyễn Đức V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Bá T, Nguyễn Đức V mỗi bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về phần trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án với các bị cáo:

- Các bị cáo thỏa thuận bồi thường cho bị hại Công ty THHH Khánh T 1.500.000đồng, tiền thuê người vận chuyển 02 cuộn dây cáp điện từ tỉnh Bắc Ninh về.

- Các bị cáo thỏa thuận bồi thường cho anh K 3.000.000đồng, tiền thuê xe chở 02 cuộn dây cáp điện đi xuống Bắc Ninh tiêu thụ.

Về xử lý vật chứng: Áp dung Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu của bị cáo V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu đen đã qua sử dụng, dùng làm phương tiện phạm tội để nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Trả lại cho chị H 73.000.000đ (Bảy mươi ba triệu đồng);

- Tạm giữ 4.700.000đồng, do các bị cáo T và V đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, ngày 11/9/2019 để bồi thường cho bị hại 1.500.000đồng và anh K 3.000.000đồng.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo cải tạo sớm trở về thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định:

Khoảng 11 giờ ngày 12/05/2019, tại khu vực cây xăng dầu số 52 thuộc xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, các bị cáo Nguyễn Bá T và Nguyễn Đức V đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 02 cuộn dây cáp điện vỏ màu đen đều có ghi chữ TRƯƠNG THINH CABLE ABC 4 x 95 SQMMO 6/1 KV ISO 9001-2015, trong đó 01 cuộn dài 1100m và 01 cuộn dài 868m được cuộn tròn trong lô gỗ màu trắng của Công ty TNHH Khánh T. Trị giá tài sản mà các bị cáo trộm cắp là: 147.672.000đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Như vậy, hành vi của Nguyễn Bá T, Nguyễn Đức V có đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c. Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng".

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân: Các bị cáo T và V đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên các bị cáo đã rủ nhau trộm cắp tài sản.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, ra đầu thú được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Xét nhân thân, tính chất mức độ tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí vai trò của từng bị cáo trong vụ án, thấy rằng: Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo V thực hiện tội phạm; bị cáo V là người thực hiện tội phạm. Sau khi chiếm đoạt được tài sản 73.000.000đồng, các bị cáo đã trừ chi phí cho việc cẩu và vận chuyển 02 cuộn dây cáp điện là 3.800.000đồng, còn lại chia nhau: bị cáo T được hưởng 39.000.000đồng, bị cáo V được hưởng 30.200.000đồng. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương ứng với hành vi phạm tội đối với từng bị cáo đã gây ra.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Trách nhiệm dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

- Các bị cáo thỏa thuận bồi thường cho bị hại Công ty THHH Khánh T 1.500.000đồng, tiền thuê người vận chuyển 02 cuộn dây cáp điện từ tỉnh Bắc Ninh về.

- Các bị cáo thỏa thuận bồi thường cho anh K 3.000.000đồng, tiền thuê xe chở 02 cuộn dây cáp điện đi xuống Bắc Ninh tiêu thụ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thỏa thuận giữa các bên về mức bồi thường đối với số tiền nêu trên là tự nguyện không trái với pháp luật nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Đức V làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu để nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với 73.000.000đ (Bảy mươi ba triệu đồng), cần tạm giữ để trả lại cho chị H;

- Đối với 4.700.000đồng do các bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, theo biên lai số 0010729, ngày 11/9/2019, cần tạm giữ để bồi thường cho bị hại và anh K.

[11] Về lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ Điều 109 và Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự, ra Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo T và V, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

[12] Đối với: Chị Đặng Thị H, anh Nguyễn Văn H, Phạm Hùng K, anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn T, quá trình điều tra không có tài liệu chứng cứ để xử lý hình sự, nên cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xử lý.

[13] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

- Điều 106, 109, 123, khoản 2 Điều 136, Điều 326 và Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bá T và Nguyễn Đức V phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt Nguyễn Bá T **02** (Hai) năm **06** (Sáu) tháng tù, được trừ đi số ngày tạm giữ từ ngày 17/5/2019 đến ngày 05/7/2019. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt Nguyễn Đức V **02** (Hai) năm tù, được trừ đi số ngày tạm giữ từ ngày 16/5/2019 đến ngày 05/7/2019. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo: Nguyễn Bá T và Nguyễn Đức V, kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2019 cho đến khi các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Giao bị cáo Nguyễn Bá T cho UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để quản lý, theo dõi.

Giao bị cáo Nguyễn Đức V cho UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang để quản lý, theo dõi.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án với các bị cáo:

- Các bị cáo T và V thỏa thuận bồi thường cho bị hại Công ty TNHH Khánh T 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng);

- Các bị cáo T và V thỏa thuận bồi thường cho anh K 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

5. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Đức V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu đen đã qua sử dụng làm phương tiện phạm tội để nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Trả lại cho chị Đặng Thị H 73.000.000đ (Bảy mươi ba triệu đồng);

- Tạm giữ 4.700.000đồng do các bị cáo đã tự nguyện giao nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, theo biên lai số 0010729, ngày 11/9/2019 để đảm bảo cho việc Thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/8/2019 và ủy nhiệm chi ngày 21/8/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Bá T và Nguyễn Đức V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

7. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt các bị cáo (T và V), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh K) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại (người đại diện theo ủy quyền anh D), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (chị H, anh H) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CCTHA-DS huyện P;
- Bị cáo, BH, NLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sái Đức Trung